

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 601/2023/DS-PT

Ngày: 30-8-2023

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn, Kiểm sát viên.

Từ ngày 28/8 đến ngày 30/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 699/2022/TLPT-DS ngày 30/12/2022, về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1227/2021/DS-ST ngày 10/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1936/2023/QĐPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Vĩ C, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tầng C, số G Ký C, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Vĩ C: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1980; Địa chỉ: C P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2023 - có mặt).

- Bị đơn: Ông Đặng Vỹ L, sinh năm 1962; Địa chỉ: A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tăng Tuy T, sinh năm 1955; Địa chỉ: B Rue Jean D N, F (vắng mặt).

2. Ông Đặng Vi Q, sinh năm 1966; Địa chỉ: A Rue Heri Poin C Asnieres Sur S, F (vắng mặt).

3. Bà Đặng N1, sinh năm 1957; Địa chỉ: số 202-6th A. S, A.905, S, Wa98104, USA (vắng mặt).

4. Bà Đặng Nam M, sinh năm 1984; Địa chỉ: V, Canada (vắng mặt).
5. Bà Hà Thị T1, sinh năm 1959 (vắng mặt).
6. Ông Đặng Vĩnh T2, sinh năm 1982 (có mặt).
7. Bà Hồ Thị N2, sinh năm 1990 (có mặt).
8. Trẻ Đặng Gia H, sinh năm 2014 (vắng mặt).
9. Trẻ Đặng Gia T3, sinh năm 2018 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ cho các trẻ Đặng Gia H, Đặng Gia T4: Ông bà Đặng Vĩnh T2 và Hồ Thị N2 (có căn cước nêu trên - là cha, mẹ ruột).

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Đặng Vĩ L1, Đặng N1, Hà Thị T1, Đặng Vĩnh T2, Hồ Thị N2, Đặng Nam M: Bà Trần Thị Minh C1, sinh năm 1977, Địa chỉ: 869/17/4 Huỳnh Tấn P, Tổ I, Ấp F, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo các văn bản ủy quyền ngày 08/3/2018, 24/7/2018, 19/9/2018 và 13/8/2018 - có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Vĩ C2 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần N3 (sinh năm 1931, đã chết ngày 24/01/2015) và bà Đặng A M1 (sinh năm 1934, đã chết ngày 12/10/2005) có 05 người con chung là Đặng Vĩ C, Đặng Vỹ L, Đặng Vi Q, Đặng N1 và Tăng Tuy T.

Nhà và đất tọa lạc tại số A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là nhà số A Phú Thọ) là tài sản của ông N3 và bà M1. Bà M1 chết ngày 12/10/2005, không để lại di chúc.

Ngày 12/02/2014, tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh, ông N3 lập di chúc để lại phần tài sản của ông trong căn nhà số A Phú Thọ cho ông C.

Ông C khởi kiện yêu cầu:

- Nhận thừa kế di sản của ông N3 theo di chúc đã được công chứng;
- Nhận thừa kế di sản của ông N3 theo pháp luật là phần ông N3 được hưởng thừa kế từ di sản của bà M1) là 1/12 căn nhà số A Phú Thọ;
- Nhận thừa kế di sản thừa kế của bà M1 theo pháp luật là 1/12 của căn nhà số A Phú Thọ;
- Được nhận nhà 116 Phú Thọ.

Ông L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu theo bị đơn cho rằng nhà số A Phú Thọ là do bà T gửi tiền về mua.

Ông L và những người liên quan có ý kiến:

- Không thừa nhận giá trị pháp lý của bản di chúc do ông C cung cấp vì các lý do sau: Tại thời điểm lập di chúc (ngày 12/02/2014) ông Trần N3 đang bị bệnh nặng, không có khả năng tự vệ sinh cơ thể, giọng nói không rõ ràng, đi đứng khó

khẩn, huyết áp cao, tinh thần không minh mẫn nên đề nghị Tòa án không công nhận di chúc này;

- Yêu cầu chia thừa kế toàn bộ nhà số A Phú Thọ, được nhận nhà, hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1227/2021/DS-ST ngày 10/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92 và khoản 4 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 618, Điều 623, Điều 643, Điều 651, Điều 658 và Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Xác định giá trị nhà và đất tọa lạc tại số A đường P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (sau khi trích chi phí bảo quản di sản và chi phí hợp lý cho việc mai táng là 2% trên tổng giá trị) tương đương số tiền 4.411.748.000 (bốn tỷ bốn trăm mười một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn) đồng là di sản của ông Trần N3 và bà Đặng A M1.

[2] Công nhận Bản di chúc của ông Trần N3 lập ngày 12/02/2014 tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực toàn bộ.

[3] Các đồng thừa kế của ông N3, bà M1 gồm bà Tăng Tuy T, bà Đặng N1, ông Đặng Vỹ L và ông Đặng Vi Q mỗi người được nhận 1/12 giá trị di sản; riêng ông Đặng Vĩ C được nhận 8/12 giá trị di sản.

[4] Giao ông Đặng Vỹ L được quyền sở hữu và quyền sử dụng nhà, đất tọa lạc tại số A đường P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và có trách nhiệm thanh toán cho bà Tăng Tuy T, bà Đặng N1 và ông Đặng Vi Q mỗi người 367.645.600 (ba trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm) đồng đồng thời thanh toán cho ông Đặng Vĩ C 2.941.165.200 (hai tỷ chín trăm bốn mươi một triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm) đồng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[5] Sau khi nhận đủ số tiền nói trên, ông C có trách nhiệm giao lại cho ông L bản chính các giấy tờ có liên quan đến căn nhà số A đường P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Sau khi thanh toán xong cho những người được nhận thừa kế (có trên nêu trên), ông L được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà và đất tọa lạc tại số A đường P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[7] Trong trường hợp ông L không tự nguyện thi hành thì các đương sự được nhận thừa kế (có tên như đã nêu trên) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đấu giá tài sản là nhà và đất tọa lạc tại số A đường P, Phường B,

Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận giá trị tương ứng với tỷ lệ như đã nêu tại mục 1 sau khi đã trừ chi phí đầu giá tài sản, các chi phí khác (nếu có) và 2% trích cho ông L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/12/2021, ông Đặng Vĩ L1 kháng cáo yêu cầu: Được nhận hiện vật là nhà số A Phú Thọ, thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác; không đồng ý trích 2% giá trị nhà số A Phú Thọ cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C là nguyên đơn và ông Nguyễn Đức N là người đại diện hợp pháp của ông C không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Ông L1 và bà Trần Thị Minh C1 là người đại diện hợp pháp của ông L1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông Đặng Vĩ C và ông Nguyễn Đức N: Di chúc, di nguyện và giấy ủy quyền của ông N thể hiện ông N mong muốn giao căn nhà A Phú Thọ cho ông C để làm nơi thờ cúng. Chia thừa kế và theo pháp luật thì ông C được 8/12 của căn nhà 116 Phú Thọ. Ngoài căn nhà này thì ông L1 còn ít nhất 02 căn nhà khác. Mặt khác, ông L1 không làm giỗ cha mẹ, ngăn cản ông C về thắp nhang cho cha mẹ. Ông C là người đầu tiên đến ở trong căn nhà 116 Phú Thọ từ năm 1991. Ông C cũng thừa nhận ngoài ngoài căn nhà đang tranh chấp, ông còn có ít nhất 02 căn nhà khác. Ông L1 cho thuê 02 căn nhà riêng của mình để lấy tiền, được ở trong căn nhà 116 Phú Thọ không mất tiền; việc mai táng cha mẹ là từ nguồn tiền phúng điếu, số còn lại do ông C và ông Lương c đôi; ông L1 không chứng minh được việc sửa chữa căn nhà A Phú Thọ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm như yêu cầu kháng cáo đã nêu.

2. Ông Đặng Vĩ L1 và bà Trần Thị Minh C1:

Ông L1 ở chung với cha mẹ tại căn nhà A Phú Thọ từ lúc còn nhỏ đến lúc cha mẹ lần lượt qua đời. Hiện nay, ngoài ông L1 còn có vợ, con và các cháu nội của ông L1 cùng ở trong căn nhà này. Ông L1 là người trực tiếp nuôi cha mẹ và bỏ tiền lo chi phí đám tang cho cả cha và mẹ. Các anh chị em trong gia đình đều có ý kiến giao cho ông Lương sở h căn nhà, để anh chị em tiện về nhang khói cho cha mẹ. Ngoài căn nhà đang tranh chấp, ông L1 còn một căn nhà cấp 4 tại đường Đ, phường B, quận B và 01 lô đất tại số A Phú Thọ. Ông L1 không còn giữ các chứng cứ chứng minh việc bỏ chi phí lo ma chay cho cha mẹ và chi phí sửa chữa nhà. Đồng thời, ông L1 cũng không ngăn cản ông C về thắp nhang cho cha mẹ. Ông L1 và bà C1 thừa nhận giá trị pháp lý của di chúc ngày 12/02/2014 của ông Trần N3. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trường hợp cấp phúc thẩm tiếp tục giao căn nhà

cho ông L1 thì ông L1 đồng ý gộp 2% giá trị căn nhà mà bản án sơ thẩm đã tuyên để chia đều cho các đồng thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông C làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về việc chấp hành pháp luật: Xét thấy, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

3. Về yêu cầu kháng cáo của ông C: Bản án sơ thẩm đã xác định đúng giá trị pháp lý của bản di chúc, xác định đúng hàng thừa kế, người thừa kế, xác định đúng di sản thừa kế; chia thừa kế theo di chúc, theo pháp luật, giao tài sản cho ông L1; chia cho ông Lương 2 giá trị căn nhà và buộc ông L1 phải thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Đặng Vĩ C làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo này đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất tọa lạc tại A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần N3 (chết năm 2015) và bà Đặng A M1 (chết năm 2005) để lại. Trong vụ án có các ông bà Tăng Tuy T, Đặng Vĩ Q, Đặng N1 đang cư trú ở nước ngoài. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Các nội dung sau đây do các đương sự thống nhất với nhau nên là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Nhà, đất tọa lạc tại A Phú Thọ là di sản của ông Trần N3 và bà Đặng A M1.

- Di chúc ngày 12/02/2014 của ông Trần N3 là hợp pháp.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà M1 gồm các ông bà Đặng Vĩ C, Đặng Vĩ L1, Tăng Tuy T, Đặng Vĩ Q, Đặng N1 và Trần Nguyên .

- Ngoài căn nhà 116 Phú Thọ đang tranh chấp, cả ông C và ông L1 đều có ít nhất 02 căn nhà khác.

[4] Xét kháng cáo của ông C:

[4.1] Về yêu cầu được nhận nhà số A Phú Thọ và thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác: Ông C được hưởng thừa kế theo pháp luật và theo di chúc tổng cộng 8/12 giá trị căn nhà, các đồng thừa kế khác mỗi người được hưởng 1/12 giá trị căn nhà A Phú Thọ. Tuy nhiên, xét thấy ông L1 là người trực tiếp sinh sống với cha mẹ tại căn nhà này từ lúc sinh ra cho đến lúc cha mẹ lần lượt qua đời. Hiện nay, ngoài ông L1, còn có vợ, con đẻ, con dâu và các cháu nội của ông L1 là bà T1, ông T2, bà N2, cháu H, cháu T3 cùng sinh sống ổn định tại đây. Mặc dù cả ông L1 và ông C đều có chỗ ở khác, nhưng để ổn định chỗ ở, sinh hoạt cho gia đình ông L1 nên bản án sơ thẩm giao cho ông Lương sở h căn nhà và buộc ông L1 thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.2] Về công sức bảo quản di sản, chi phí mai táng cho bà M1, ông N3: Ông Lương không xuất trình được chứng cứ chứng minh có sửa chữa nhà số A Phú Thọ, cũng như chi phí mai táng cho ông N3, bà M1. Ông L1 được hưởng lợi khi ở trong căn nhà này và cho thuê các căn nhà khác của mình để lấy tiền nên bản án sơ thẩm trích 2% giá trị căn nhà cho ông L1 là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm ông L1 đồng ý gộp 2% giá trị căn nhà để chia đều cho các đồng thừa kế. Do đó, cần công nhận sự tự nguyện này của ông L1 và chia lại như sau:

- Ông C được hưởng $8/12 \times 4.501.748.000$ đồng = 3.001.165.330 đồng;
- Các ông bà L1, T, N1, Quyền mỗi người được hưởng $1/12 \times 4.501.748.000$ đồng = 375.145.667 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm cần xác định lại như sau:

Bà N1, ông L1 là người cao tuổi nên được miễn.

Các ông bà T và Q mỗi người phải nộp 18.757.283 đồng.

Ông C phải nộp 92.023.307 đồng. Ông C đã nộp 25.995.000 đồng tạm ứng án phí, do đó ông C còn phải nộp thêm 66.028.307 đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông C không phải nộp.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của ông C là có căn cứ một phần nên được chấp nhận.

[8] Các lập luận trên đây là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Vĩ C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1227/2021/DS-ST ngày 10/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92 và khoản 4 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 618, Điều 623, Điều 643, Điều 651, Điều 658 và Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Xác định nhà và đất tọa lạc tại số A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có giá trị 4.501.748.000 (bốn tỷ năm trăm lẻ một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn) đồng là di sản của ông Trần N3 và bà Đặng A M1.

[2] Công nhận Bản di chúc của ông Trần N3 lập ngày 12/02/2014 tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp.

[3] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần A M2 gồm các ông bà Đặng Vĩ C, Tăng Tuy T, Đặng N1, Đặng Vỹ L, Đặng Vi Q và Trần Nguyên .

[4] Ông Đặng Vĩ C được hưởng thừa kế theo di chúc và theo pháp luật tổng cộng 8/12 nhà và đất tọa lạc tại số A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Các ông bà Tăng Tuy T, Đặng N1, Đặng Vỹ L và Đặng Vi Q mỗi người được hưởng 1/12 giá trị nhà và đất tọa lạc tại số A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Giao ông Đặng Vỹ L được quyền sở hữu và quyền sử dụng nhà, đất tọa lạc tại số A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và có trách nhiệm thanh toán cho:

- Các ông bà Tăng Tuy T, Đặng N1 và ông Đặng Vi Q mỗi người 375.145.667 (ba trăm bảy mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi) đồng.

- Ông Đặng Vĩ C 3.001.165.330 (ba tỷ không trăm lẻ một triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[6] Sau khi nhận đủ số tiền nói trên, ông Đặng Vĩ C có nghĩa vụ giao lại cho ông Đặng Vỹ L bản chính các giấy tờ có liên quan đến căn nhà số A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Sau khi thực hiện xong việc thanh toán được nêu tại mục [5], ông Đặng Vũ L được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà và đất tọa lạc tại số A Phú Thọ, Phường B, Quận A Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[8] Việc thi hành án được thực hiện song phương, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Trường hợp ông Đặng Vũ L không tự nguyện thi hành thì các đương sự được nhận thừa kế (có tên như đã nêu trên) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đấu giá, phát mãi nhà và đất tọa lạc tại số A Phú Thọ, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, để thi hành theo giá trị tương ứng với tỷ lệ như đã nêu tại mục [4] sau khi đã trừ chi phí đấu giá tài sản, các chi phí khác (nếu có).

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí sơ thẩm cho bà Đặng N1, ông Đặng Vũ L.

Các ông bà Tăng Tuy T và Đặng Vi Q mỗi người phải nộp 18.757.283 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm tám mươi ba) đồng.

Ông Đặng Vĩ C phải nộp 92.023.307 (chín mươi hai triệu không trăm hai mươi ba ngàn ba trăm lẻ bảy) đồng. Ông C đã nộp 25.995.000 (hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm, theo biên lai thu số 34140 ngày 08/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, ông C còn phải nộp thêm 66.028.307 (sáu mươi sáu triệu không trăm hai mươi tám ngàn ba trăm lẻ bảy) đồng.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả cho ông Đặng Vĩ C 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm, theo biên lai thu số 1466 ngày 04/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

[13] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[14] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Văn Khoa